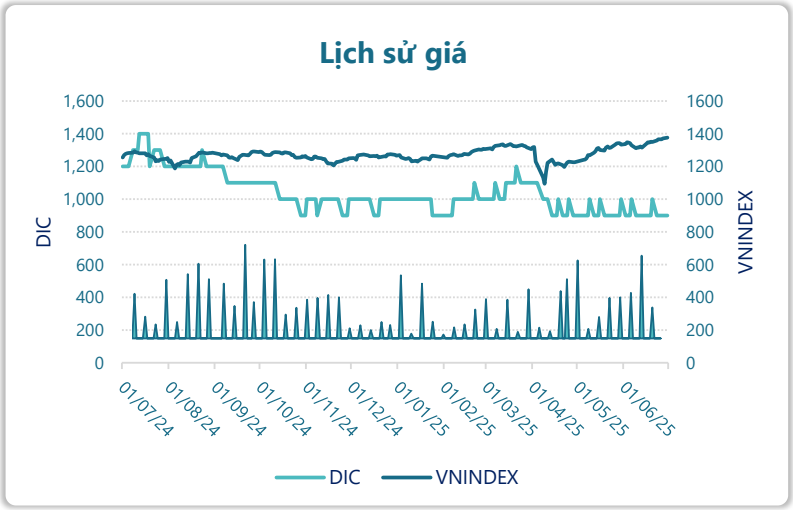
FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại DIC (UPCOM: DIC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	900
SL cổ phiếu LH	26,084,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,295
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
P/E	0.9
EPS	1,046

DT thuần

Q2/25

5.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.11| 23.3%

YoY: ▼2.51| -29.9%

LN sau thuế

Q2/25

1.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.06| -6.1%

YoY: ▲ 24.6| 104%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

18.3%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

6T 2025

10.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.60| -34.8%

LN sau thuế

6T 2025

2.05

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.7| 106%

ROE

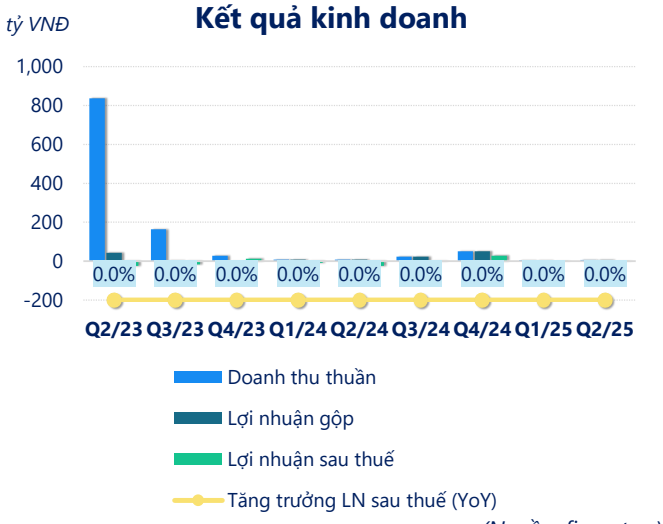
Q2/25

-36.4%

+/- YoY: ▼ 74.9%

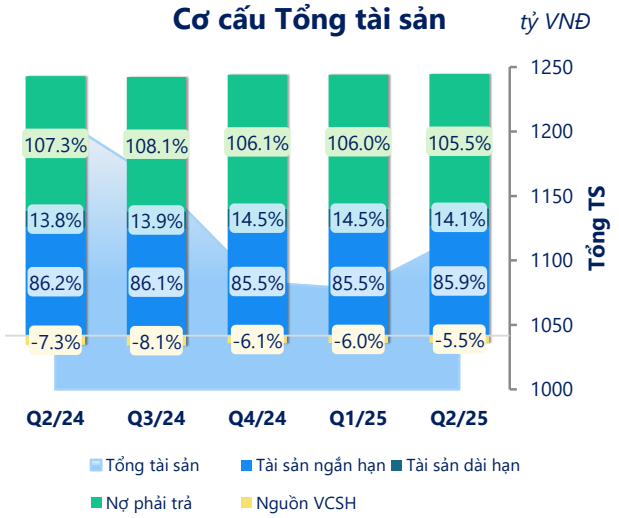
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



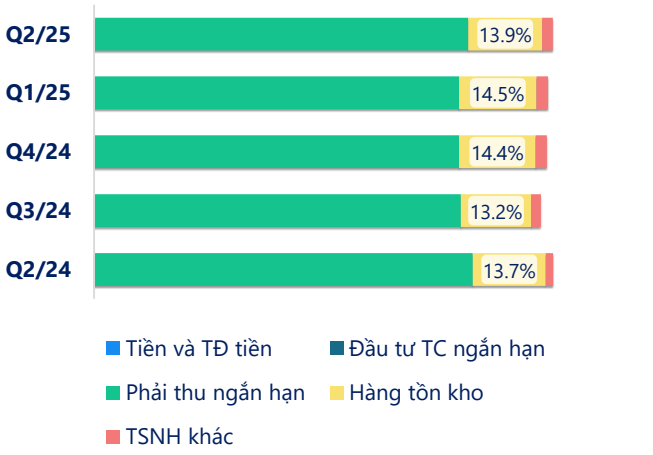
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



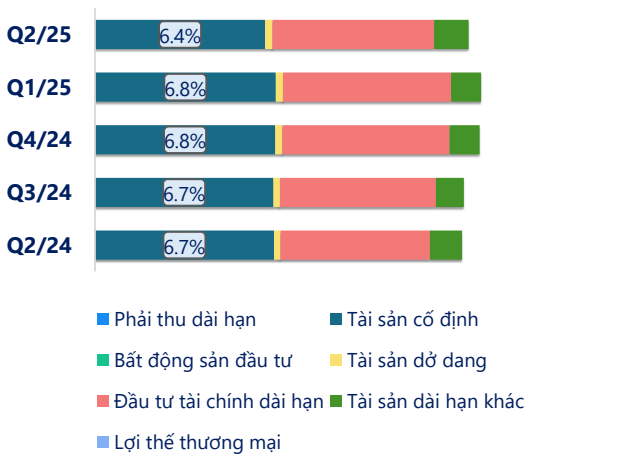
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



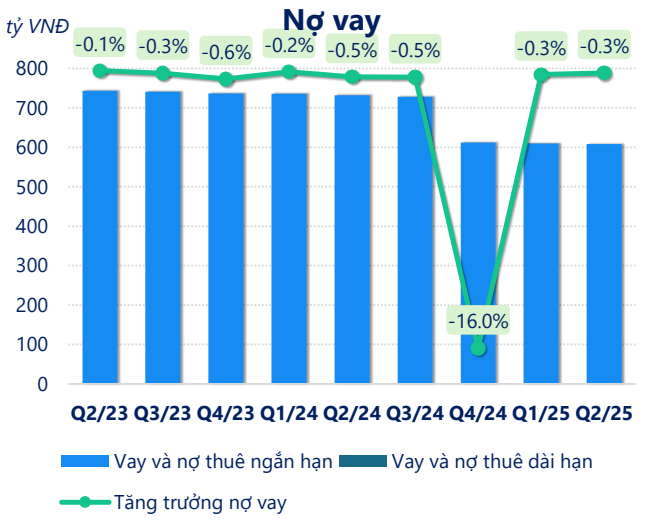
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



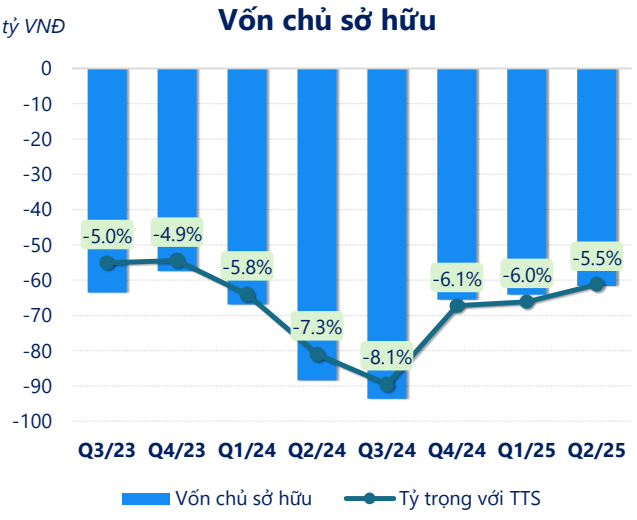
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



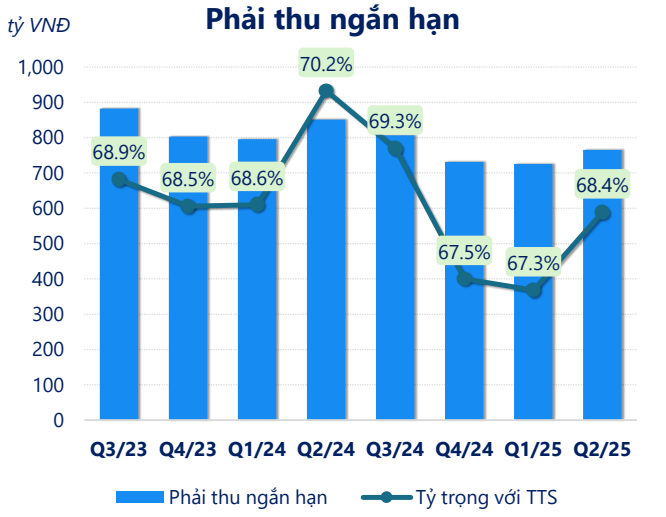
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



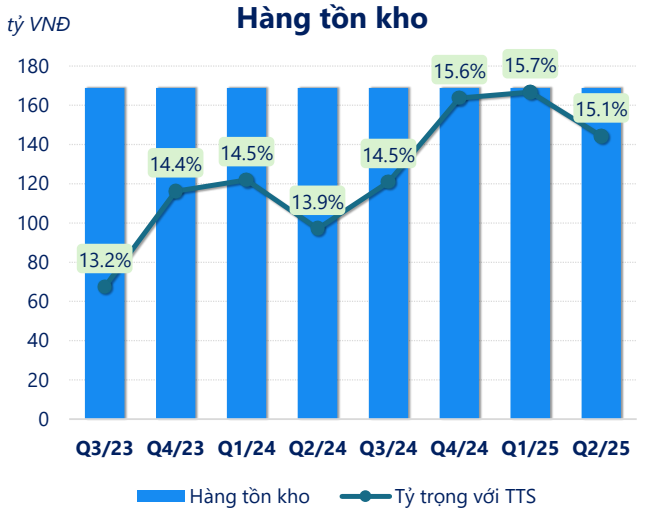
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



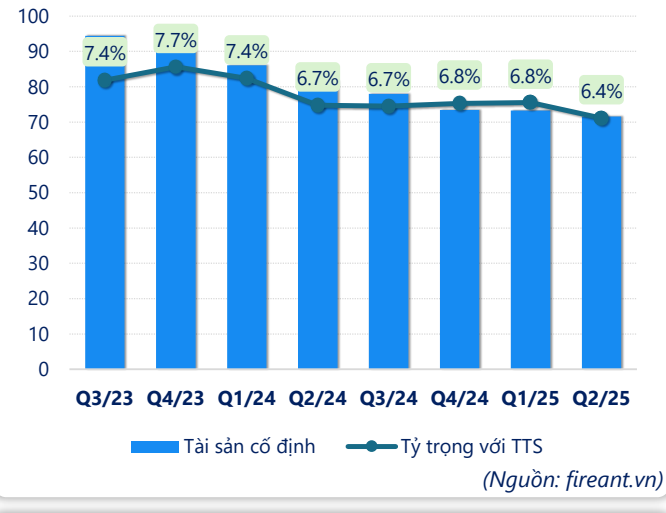
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



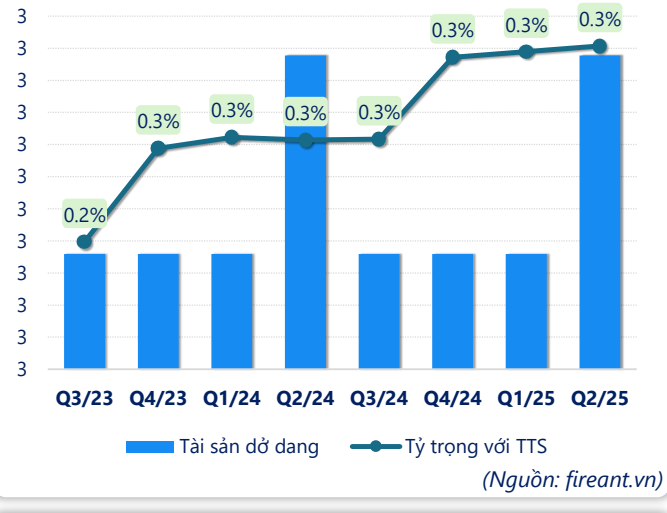
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



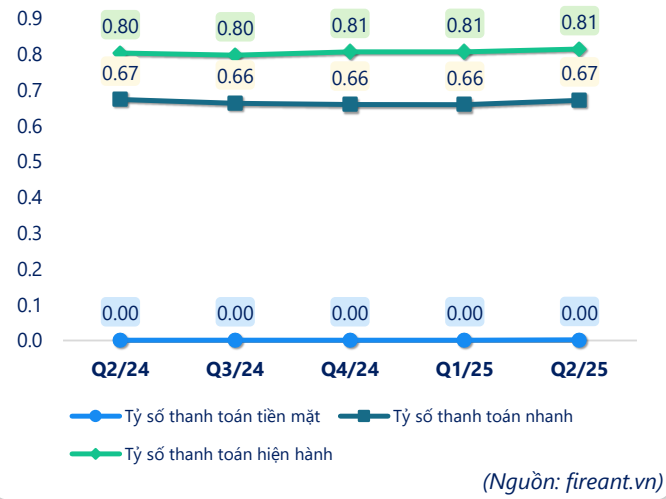
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



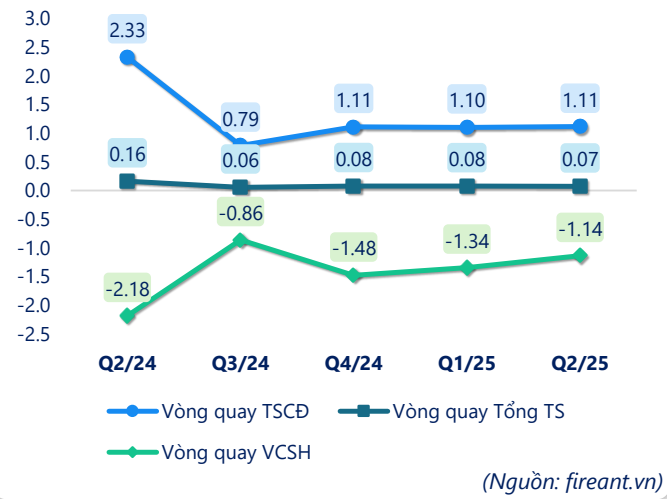
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,213**	**1,163**	**1,083**	**1,078**	**1,118**
Tài sản ngắn hạn	**1,045**	**1,002**	**926**	**921**	**961**
Tiền và tương đương tiền	1.20	1.14	1.16	1.30	2.24
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	851	806	731	726	765
Hàng tồn kho	169	169	169	169	169
Tài sản ngắn hạn khác	24.2	25.1	25.2	25.3	24.6
Tài sản dài hạn	**168**	**161**	**157**	**157**	**157**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	81.6	78.0	73.4	73.3	71.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.06	2.93	2.93	2.93	3.06
Đầu tư tài chính dài hạn	68.1	68.2	68.2	68.2	68.0
Tài sản dài hạn khác	14.7	12.2	12.2	12.2	14.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,301**	**1,257**	**1,149**	**1,142**	**1,180**
Nợ ngắn hạn	**1,301**	**1,256**	**1,148**	**1,142**	**1,180**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	732	728	612	610	608
Phải trả người bán ngắn hạn	105	105	98.3	97.5	96.5
Nợ dài hạn	0	0.44	0.45	0.46	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-88.4**	**-93.7**	**-65.6**	**-64.2**	**-61.7**
Vốn chủ sở hữu	**-88.4**	**-93.7**	**-65.6**	**-64.2**	**-61.7**
Vốn điều lệ	266	266	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)